

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (DỰ KIẾN)
HỌC KỲ 3, NĂM HỌC 2024-2025

***Sinh viên lưu ý: Chương trình Tiên tiến Khoá 2022 tạm thời chưa xét.*

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
1	21125018	Nguyễn Hoàng Minh	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.764.800		20.764.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
2	21125019	Từ Cảnh Minh	10	10	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.764.800		20.764.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
3	21125054	Trần Kim Phát	10	10	10	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.034.400		19.034.400	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
4	21125060	Nguyễn Minh Quang	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.764.800		20.764.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
5	21125071	Hồ Việt Bảo Long	10	10	10	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.034.400		19.034.400	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
6	21125090	Trần Thiên Phúc	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.764.800		20.764.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
7	21125101	Yang Tuấn Anh	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.764.800		20.764.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
8	21125146	Nguyễn Phúc Bảo Uyên	10	10	10	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.034.400		19.034.400	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT
9	21125155	Diệp Tường Nghiêm	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.764.800		20.764.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
10	21126046	Thái Văn Vinh	10	10	10	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.529.500		15.529.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	VP
11	21126056	Võ Nam Đăng	10	10	10	Xuất sắc	Khá	Khá	100% HP thực đóng	15.529.500		15.529.500	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	VP
12	21127012	Trần Huy Bân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
13	21127021	Trương Văn Chí	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
14	21127027	Đình Hoàng Duy	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
15	21127099	Nguyễn Tấn Lộc	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
16	21127112	Triệu Nhật Minh	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
17	21127206	Phạm Đăng Sơn Hà	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
18	21127403	Nguyễn Minh Quân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
19	21127407	Trần Minh Quang	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
20	21127430	Nguyễn Huy Thành	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
21	21127432	Lê Ngọc Thảo	14	14	9,57	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.879.640		20.879.640	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
22	21127433	Ngô Thị Thanh Thảo	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
23	21127453	Hoàng Anh Trà	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
24	21127462	Mạc Tuấn Trung	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
25	21127466	Hoàng Anh Tú	10	10	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
26	21127560	Nguyễn Bảo Tuấn	10	10	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
27	21127602	Nguyễn Hoàng Duy	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
28	21127605	Dương Gia Hân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
29	21127632	Nguyễn Cao Khôi	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
30	21127657	Nguyễn Khánh Nhân	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
31	21127664	Trần Đại Niên	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
32	21127700	Lê Phước Thịnh Tiến	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
33	21127704	Phạm Khánh Toàn	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
34	21127734	Huỳnh Si Kha	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC
35	21127740	Đoàn Nam Thắng	10	10	10	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.800.800		14.800.800	Đã bao gồm học phí học phần điểm P2	CLC

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
36	22127002	Nguyễn Phúc An	11	11	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.020.800		17.020.800		CLC
37	22127010	Đỗ Tân Ngọc Anh	15	15	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.174.670		21.174.670		CLC
38	22127029	Lê Nguyễn Gia Bảo	15	15	9,13	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.099.640		23.099.640		CLC
39	22127119	Hồ Phước Hoàn	11	11	9,54	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.020.800		17.020.800		CLC
40	22127128	Nguyễn Minh Hoàng	12	12	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
41	22127154	Nguyễn Gia Huy	12	12	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
42	22127182	Trần Nguyễn Phúc Khang	12	12	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
43	22127207	Lê Quốc Khôi	12	12	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
44	22127270	Nguyễn Quang Minh	12	12	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
45	22127313	Trần Ngọc Uyển Nhi	12	12	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
46	22127360	Võ Nguyễn Phương Quỳnh	12	12	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
47	22127374	Lê Thanh Tâm	12	12	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
48	22127385	Nguyễn Quốc Thắng	12	8	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	11.144.540		11.144.540		CLC
49	22127389	Nguyễn Phúc Thành	12	12	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.452.360		19.452.360		CLC
50	22127390	Nguyễn Văn Lê Bá Thành	12	12	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.716.810		16.716.810		CLC
51	22127419	Nguyễn Minh Toàn	11	11	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.602.400		15.602.400		CLC
52	22127420	Nguyễn Hà Nam Trân	12	12	9,1	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
53	22127431	Lê Nguyễn Hữu Trường	11	11	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	17.020.800		17.020.800		CLC
54	22127444	Trần Thị Cát Tường	12	12	9,5	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	16.716.810		16.716.810		CLC
55	22127459	Phạm Thanh Vinh	12	12	9,03	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.236.520		18.236.520		CLC
56	23125006	Võ Gia Huy	20	20	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	34.558.200	14.399.250	20.158.950	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
57	23125062	Phan Tuấn Kiệt	20	20	9,52	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	34.558.200		34.558.200		TT
58	23125067	Nguyễn Lê Thịnh Phúc	20	20	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	34.558.200		34.558.200		TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
59	23127007	Trần Công Minh	14	14	9,5	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320	8.649.300	12.109.020	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	CLC
60	23127017	Nguyễn Hoàng Minh Tâm	22	18	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	26.044.320		26.044.320		CLC
61	23127018	Lê Trường Thịnh	14	14	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.965.480		19.965.480		CLC
62	23127020	Biện Xuân An	14	14	9,47	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
63	23127023	Phan Nhựt Anh	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
64	23127056	Trần Cẩm Huy	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
65	23127082	Nguyễn Thị Khánh Linh	14	14	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
66	23127091	Văn Thị Diễm My	14	14	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
67	23127096	Phan Nhật Thiện Nhân	14	14	9,34	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
68	23127106	Nguyễn Hoàng Quân	14	14	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
69	23127115	Mạch Quốc Tấn	14	14	9,66	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
70	23127123	Nguyễn Phúc Thọ	14	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
71	23127146	Lê Chí Vỹ	14	14	9,53	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
72	23127261	Vương Ngũ Tín Thành	14	14	9,31	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
73	23127306	Nguyễn Phương Thảo	14	14	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
74	23127315	Nguyễn Trần Thiên An	14	14	9,44	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
75	23127318	Lê Hồ Đan Anh	14	14	9,64	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
76	23127333	Trương Quốc Cường	14	14	9,36	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.758.320		20.758.320		CLC
77	23127351	Lê Minh Đức	14	14	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.965.480		19.965.480		CLC
78	24125001	Lê Nguyễn Hữu An	15	15	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	18.449.100	3.689.820	SV đã nhận HB Đầu vào- Đợt xuất (100% học phí thực đóng)	TT
79	24125015	Phạm Hữu Nam	15	15	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	13.836.825	8.302.095	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
80	24125016	Hoàng Đức Hưng Phát	15	15	9,68	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	13.836.825	8.302.095	SV đã nhận HB Đầu vào (75% học phí thực đóng)	TT
81	24125022	Đặng Đình Trung	15	15	9,8	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920	9.224.550	12.914.370	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TT
82	24125045	Lê Đức Thịnh	15	15	9,78	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920		22.138.920		TT
83	24125052	Lê Đạt Phúc An	15	15	9,67	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920		22.138.920		TT
84	24125059	Phan Anh Khoa	15	15	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.138.920		22.138.920		TT
85	24127041	Hoàng Trung Hiếu	16	16	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
86	24127078	Nguyễn Hữu Gia Minh	14	14	9,24	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
87	24127086	Trần Hoàng Khánh My	14	14	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.945.850		18.945.850		TCTA
88	24127095	Vũ Duy Nhất	16	16	9,08	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
89	24127104	Dư Hoài Phúc	16	16	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
90	24127119	Trần Phước Tài	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
91	24127120	Nguyễn Diệp Thân	16	16	9,08	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190	10.131.450	12.157.740	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	TCTA
92	24127128	Nguyễn Cao Thông	16	16	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480	20.262.900	4.052.580	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA
93	24127179	Huỳnh Gia Khang	16	16	9,43	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190		22.289.190		TCTA
94	24127194	Hoàng Trung Kiên	16	16	9,3	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
95	24127238	Ngô Huỳnh Thẩm	16	16	9,4	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
96	24127257	Nguyễn Thành Trung	14	14	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
97	24127330	Lương Gia Bảo	16	16	9,63	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480	20.262.900	4.052.580	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	TCTA

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK3/24- 25	XL HT HK3/24-25	XL ĐRL HK3/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	CTĐT
98	24127426	Trần Đình Khoa	14	14	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
99	24127441	Võ Duy Lộc	16	16	9,13	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190		22.289.190		TCTA
100	24127500	Nguyễn Đại Phúc	14	14	9,86	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
101	24127505	Trần Hoàng Phúc	14	14	9	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	20.668.200		20.668.200		TCTA
102	24127541	Lỗ Chí Thành	14	14	9,43	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	18.945.850		18.945.850		TCTA
103	24127549	Lê Phạm Minh Thu	16	16	9,25	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
104	24127556	Lê Văn Tiến	16	16	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.315.480		24.315.480		TCTA
105	24127566	Nguyễn Lâm Thảo Trang	16	16	9,1	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	22.289.190		22.289.190		TCTA